

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2022/DS-PT

Ngày: 09/6/2022

V.v: “Tranh chấp QSD đất; yêu cầu hủy
QĐ thu hồi đất và QĐ về việc phê duyệt
phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà
nước thu hồi đất”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hưng;

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đào Trọng Thuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy các Quyết định thu hồi đất và Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất”, do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2020/DS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4631/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị L, sinh năm 1961; địa chỉ: xóm A, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Anh Đinh Trí H, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Văn H1 - Văn phòng L11, Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: số A T, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt (gửi văn bản nêu quan điểm bảo vệ)

2. Các bị đơn:

2.1. Cụ Lê Thị N (đã chết); những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Lê Thị N gồm:

- Bà Đinh Thị M, sinh năm 1957; Bà Đinh Thị L, sinh năm 1959; Ông Đinh Văn H2, sinh năm 1963; Bà Đinh Thị H3, sinh năm 1967; Ông Đinh Văn H4, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: thôn I, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, bà L, ông H2, bà H3, ông H4:
Anh Phạm Anh T, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.
Có mặt.

2.2 Ông Đinh Văn T1, sinh năm 1954. Có mặt.

2.3. Cụ Đinh Văn R (đã chết); người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Đinh Văn R là: ông Đinh Văn T2, sinh năm 1950 (con trai cụ R, cùng địa chỉ). Có mặt.

2.4. Ông Đinh Xuân T3, sinh năm 1959. Có mặt.

2.5. Ông Đinh Công D, sinh năm 1968; *người đại diện theo ủy quyền của ông D là bà Đinh Thị L1, sinh năm 1969.* Có mặt.

2.6. Ông Lê Văn B, sinh năm 1962; *người đại diện theo ủy quyền của ông B là bà Đinh Thị L, sinh năm 1964.* Có mặt.

2.7. Ông Đinh Văn C, sinh năm 1958. Có mặt.

2.8. Cụ Lê Thị N1, sinh năm 1932; *người đại diện theo ủy quyền của cụ N1 là ông Phạm Văn C1, sinh năm 1957.* Vắng mặt.

2.9. Bà Đinh Thị T4, sinh năm 1970; *người đại diện theo ủy quyền của bà T4 là ông Đinh Văn M1, sinh năm 1968.* Có mặt.

2.10. Ông Đinh Chí N2, sinh năm 1962. Có mặt.

2.11. Bà Nguyễn Thị L2, sinh năm 1964. Có mặt.

2.12. Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1956. Có mặt.

2.13. Cụ Lê Thị T5, sinh năm 1933; *người đại diện theo ủy quyền của cụ T5 là bà Đinh Thị D1, sinh năm 1958.* Có mặt.

Cùng địa chỉ: xóm 6, thôn Khuyến Công, xã Khả Phong, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1952 (vợ ông Đinh Văn T1);

3.2. Chị Đinh Kim T6, sinh năm 1976 (con ông Đinh Văn T1);

3.3. Anh Đinh Văn T7, sinh năm 1978 (con ông Đinh Văn T1);

3.4. Anh Đinh Văn L3, sinh năm 1982 (con ông Đinh Văn T1);

3.5. Chị Đinh Út H5, sinh năm 1990 (con ông Đinh Văn T1);

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ1, chị T6, anh T7, anh L3, chị H5:
Ông Đinh Văn T1, sinh năm 1954. Có mặt.

Cùng địa chỉ: xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

3.6. Ông Đinh Văn T2, sinh năm 1950 (con trai cụ Đinh Văn R);

Địa chỉ: xóm F, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

3.7. Cụ Đinh Thị T8, sinh năm 1937 (mẹ ông Đinh Xuân T3);

3.8. Bà Nguyễn Thị H6, sinh năm 1959 (vợ ông Đinh Xuân T3);

3.9. Anh Đinh Mạnh T9, sinh năm 1983 (con ông Đinh Xuân T3);

3.10. Anh Đinh Xuân T10, sinh năm 1991 (con ông Đinh Xuân T3);

Cùng địa chỉ: Xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam

3.11. Chị Đinh Thị H7, sinh năm 1988 (con ông Đinh Xuân T3); địa chỉ: Khu F, T, Phú Thọ.

3.12. Chị Đinh Thị H8, sinh năm 1985 (con ông Đinh Xuân T3); địa chỉ: thôn A xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền của cụ T8, bà H6, anh T10, anh T9, chị H7, chị H8: Ông Đinh Xuân T3, sinh năm 1959; địa chỉ: xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

3.13. Bà Đinh Thị L1, sinh năm 1969 (vợ ông Đinh Công D);

3.14. Anh Đinh Công D2, sinh năm 1991 (con ông Đinh Công D);

Cùng địa chỉ: Xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

3.15. Chị Đinh Thị D3, sinh năm 1972 (em ông Đinh Công D)

Địa chỉ: buôn C, xã E, Thành phố B.

3.16. Ông Đinh Văn C, sinh năm 1958 (anh ông Đinh Công D);

3.17. Bà Đinh Thị D4, sinh năm 1965 (chị ông Đinh Công D);

3.18. Bà Đinh Thị D5, sinh năm 1970 (em ông Đinh Công D);

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam

Người đại diện theo ủy quyền của anh D2, chị D3, ông C, bà D4, bà D5:

Bà Đinh Thị L1, sinh năm 1969; địa chỉ: xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

3.19. Bà Đinh Thị L, sinh năm 1964 (vợ ông Lê Văn B);

3.20. Chị Lê Thị H9, sinh năm 1984 (con ông Lê Văn B);

3.21. Chị Lê Thị H10, sinh năm 1984 (con ông Lê Văn B);

3.22. Anh Lê Văn Đ2, sinh năm 1988 (con ông Lê Văn B);

Người đại diện theo ủy quyền của chị H9, chị H10, anh Đ2: Bà Đinh Thị L, sinh năm 1964. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

3.23. Bà Đinh Thị L4, sinh năm 1961 (vợ ông Đinh Văn C);

3.24. Anh Đinh Văn T11, sinh năm 1982 (con ông Đinh Văn C);

3.25. Chị Đinh Thị L5, sinh năm 1985 (con ông Đinh Văn C);

3.26. Đinh Công M2, sinh năm 1991 (con ông Đinh Văn C);

Người đại diện theo ủy quyền của bà L4, anh T11, chị L5, anh M2: Ông Đinh Văn C, sinh năm 1958. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam

3.27. Đinh Văn T12, sinh năm 1989 (con ông Đinh Văn C);

Địa chỉ: Xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam; hiện đang lao động tại Nhật Bản, không rõ địa chỉ cụ thể.

3.28. Ông Phạm Văn C1, sinh năm 1957 (con cụ Lê Thị N1).

3.29. Bà Đinh Thị T13, sinh năm 1959 (con dâu cụ Lê Thị N1, vợ ông C1).

3.30. Anh Phạm Văn C2, sinh năm 1982 (cháu cụ Lê Thị N1, con ông C1).

3.31. Chị Phạm Thị V, sinh năm 1987 (cháu cụ Lê Thị N1, con ông C1).

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai.

3.32. Bà Phạm Thị B1, sinh năm 1970 (con cụ Lê Thị N1);

3.33. Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1975 (con cụ Lê Thị N1);

3.34. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1959 (con cụ Lê Thị N1);

3.35. Bà Phạm Thị P1, sinh năm 1962 (con cụ Lê Thị N1);

3.36. Bà Phạm Thị H11, sinh năm 1967 (con cụ Lê Thị N1);

Cùng địa chỉ: xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T13, anh C2, chị V, bà B1, bà Q, bà P, bà P1, bà H11: Ông Phạm Văn C1, sinh năm 1957; địa chỉ: Xóm F, thôn K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

3.37. Ông Đinh Văn M1, sinh năm 1968 (chồng bà Đinh Thị T4);

3.38. Anh Đinh Văn T14, sinh năm 1991 (con bà Đinh Thị T4);

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đinh Văn T14: Ông Đinh Văn M1, sinh năm 1968. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm F, thôn K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

3.39. Bà Lê Thị T15, sinh năm 1965 (vợ ông Đinh Chí N2);

3.40. Anh Đinh Chí L6, sinh năm 1985 (con ông Đinh Chí N2);

Cùng địa chỉ: Xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

3.41. Anh Đinh Chí L7, sinh năm 1987 (con ông Đinh Chí N2).

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kom Tum.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T15, anh L6, anh L7: Ông Đinh Trí N3, sinh năm 1962. Có mặt.

3.42. Ông Đinh Văn H12, sinh năm 1964 (chồng bà Nguyễn Thị L2); địa chỉ: xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

3.43. Chị Đinh Thị P2, sinh năm 1990 (con bà Nguyễn Thị L2); địa chỉ: Phường C, Thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H12, chị P2: Bà Đinh Thị L8, sinh năm 1964; địa chỉ: Thôn K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

3.44. Anh Lê Huy Đ3, sinh năm 1977 (con bà Đinh Thị Đ); địa chỉ: xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

3.45. Anh Lê Huy D6, sinh năm 1982 (con bà Đinh Thị Đ); địa chỉ: số nhà G, tổ A, K, H, Hà Nội.

3.46. Chị Lê Thị Thanh C3, sinh năm 1984; (con bà Đinh Thị Đ); địa chỉ: Trường T23, Đ, V, Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đ3, anh D6, chị C3: Bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1956; địa chỉ: xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

3.47. Bà Đinh Thị D1, sinh năm 1958 (con cụ Lê Thị T5);

3.48. Anh Đinh Văn G, sinh năm 1980 (con bà Đinh Thị D1);

3.49. Anh Đinh Huy T16, sinh năm 1987 (con bà Đinh Thị D1);

3.50. Chị Đinh Thị Thu H13, sinh năm 1984 (con bà Đinh Thị D1);

Người đại diện theo ủy quyền của anh G, anh T16, chị H13: Bà Đinh Thị D1, sinh năm 1958. Có mặt.

3.51. Bà Phạm Thị N4, sinh năm 1964;

3.52. Anh Đinh Văn M3, sinh năm 1986;

3.53. Anh Đinh Văn H14, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: thôn I, xã I, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N4, anh M3, anh H14: Ông Phạm Anh T, sinh năm 1970; địa chỉ: thôn K, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

3.54. Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam; địa chỉ: thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hùng S - Phó Chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 07/4/2021). Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

3.55. Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam; địa chỉ: thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thành G1 - Chủ tịch. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị L là anh Đinh Trí H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đinh Thị L trình bày:*

Phần diện tích gia đình anh sử dụng làm kinh tế trang trại thuộc thửa số 36 tờ bản đồ số 7 tại xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam, bản đồ năm 1990 (theo bản đồ năm 2000 thuộc thửa 73, tờ số 11) tại xứ đồng Đồng Sơn, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có nguồn gốc như sau: Năm 1998, 13 hộ gia đình bị đơn có đất nông nghiệp được giao theo tiêu chuẩn tại khu vực xứ đồng Đồng Sơn, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam (có danh sách diện tích và số tiền bồi thường, hỗ trợ kèm theo) do không có nhu cầu sử dụng nên đã tự nguyện trả lại UBND xã K đồng thời cam kết sẽ không khiếu nại, đòi lại phần đất này. Trong số 13 hộ dân là bị đơn, có 04 hộ gồm: (1) hộ cụ Đinh Văn R; (2) hộ ông Đinh Công D; (3) hộ cụ Lê Thị T5; (4) hộ ông Đinh Văn C (Đinh Văn T17) có văn bản thỏa thuận về việc tặng cho quyền sử dụng đất cùng ngày 26/5/2017 lập tại UBND xã K với nội dung các hộ gia đình trên tặng cho gia đình anh sử dụng đất nông nghiệp ở xứ đồng Đ, xã K. Riêng hộ ông Đinh Văn C (Đinh Văn T17) trước đó, vào ngày 21/5/1998, cũng đã có đơn đề nghị tặng cho quyền sử dụng đất trên cho gia đình anh.

Năm 1998, UBND xã K lập Hợp đồng kinh tế giao đất làm trang trại mô hình VAC và biên bản bàn giao đất thực địa cho gia đình anh để làm kinh tế trang trại với diện tích là 10.980 m² (trong đó có diện tích đất đang tranh chấp với các bị đơn). Tuy nhiên, diện tích thực tế gia đình anh sử dụng là 11.553m² (tăng 573m²). Sau khi nhận đất, gia đình anh tiến hành xây dựng các công trình như nhà ở, chuồng trại chăn nuôi, đào ao thả cá, tôm, cấy lúa và lập vườn trồng cây ăn quả như hiện trạng khi thu hồi đất. Gia đình anh sử dụng đất liên tục, ổn định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và không có ai tranh chấp.

Năm 2017, khi Nhà nước thực hiện việc thu hồi đất nông nghiệp tại khu vực Đ để xây dựng khu D, toàn bộ diện tích đất nông nghiệp của gia đình anh đang làm trang trại bị Nhà nước thu hồi nhưng khi ban hành Quyết định thu hồi và lập Bảng tính giá bồi thường hỗ trợ cho các hộ dân mà thực tế họ không còn sử dụng đất; không bồi thường, hỗ trợ cho gia đình anh. Từ đó, phát sinh tranh chấp về đối tượng được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ giữa gia đình anh và 13 hộ dân nêu trên. Việc tranh chấp này đã được UBND xã K hòa giải nhưng không thành.

Thực tế khi Nhà nước thu hồi đất thì hộ gia đình anh mới là người bị ảnh hưởng. Các hộ dân là bị đơn đã trả lại đất cho UBND xã từ năm 1998. Ủy ban nhân dân xã đã giao lại cho gia đình anh nên không liên quan gì đến các bị đơn. Quá trình quản lý sử dụng của gia đình anh là hơn 20 năm công khai, liên tục và ngay tình để nuôi, trồng thủy sản, sản xuất nông nghiệp. Như vậy, việc các hộ dân tranh chấp quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất với gia đình anh là không có cơ sở.

Phần diện đất và số tiền bồi thường, hỗ trợ mà gia đình anh đang tranh chấp với các hộ dân cụ thể như sau:

Tổng diện tích là **9.165 m²** với số tiền được đền bù, hỗ trợ là **1.512.225.000** đồng.

STT	Họ tên	Tờ	Thửa	Diện tích thu hồi (m ²)	Số QĐ thu hồi đất	Ngày ban hành	Số Tiền
1	Lê Thị Ngà	7	36	828	5454	29/8/2017	136.620.000
2	Đình Văn Thân	7	36	824	5455	29/8/2017	135.960.000
3	Đình Văn Răm	7	36	259	5318	29/8/2017	42.735.000
4	Đình Thị Thỏ (Đình Xuân Tư)	7	36	828	5459	29/8/2017	136.620.000
5	Đình Công Hùng (Dũng)	7	36	702	5317	29/8/2017	115.830.000
6	Lê Văn Bay (Đình Thị Lan)	7	36	702	5458	29/8/2017	115.830.000
7	Đình Văn Chung (Trung)	7	36	828	5451	29/8/2017	136.620.000
8	Lê Thị Nga	7	36	1260	5461	29/8/2017	207.900.000
9	Đình Văn Mã (Đình Thị Thanh)	7	36	421	5452	29/8/2017	69.465.000
10	Đình Trí Nam	7	36	562	5463	29/8/2017	92.730.000
11	Nguyễn Thị Lân	7	36	421	5460	29/8/2017	69.465.000
12	Đình Thị Diễm	7	36	702	5453	29/8/2017	115.830.000
13	Lê Thị Tích	7	36	828	5319	29/8/2017	136.620.000
	Tổng cộng			9.165			1.512.225.000

Nguyên đơn khởi kiện và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết các nội dung sau:

(1) Công nhận các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình ông Đình Văn C (Đình Văn T17); hộ cụ Đình Văn R; hộ ông Đình Công D; hộ cụ Lê Thị T5 cho gia đình anh.

(2) Công nhận gia đình anh có quyền về tài sản đối với quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích **9.165 m²** của các hộ dân nêu trên.

(3) Công nhận gia đình anh là người được nhận bồi thường về quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất là **1.512.225.000** đồng.

(4) Hủy các quyết định thu hồi đất và phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ tái định cư của UBND huyện K đối với phần diện tích đất của các hộ dân liên quan đến diện tích đất trong trang trại của anh (theo danh sách trên).

(5) Yêu cầu UBND huyện K ban hành quyết định thu hồi đất và phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình anh đối với diện tích đất bị thu hồi trong trang trại của anh. Đơn giá bồi thường, hỗ trợ là 165.000 đồng/m².

Ngoài ra, trong đơn khởi kiện, nguyên đơn còn yêu cầu khởi kiện đối với 573m² (diện tích đất không tranh chấp với ai) bị thu hồi nhưng UBND huyện K không ra quyết định thu hồi và chi trả tiền hỗ trợ cho bà L. Sau đó, nguyên đơn đã có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về phần diện tích 573 m² và số tiền bồi thường này.

Các bị đơn trình bày:

1. Ông Phạm Anh T là người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn là bà Đình Thị M, bà Đình Thị L, ông Đình Văn H2, bà Đình Thị H3, ông Đình Văn H4 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị N4, anh Đình Văn M3, anh Đình Văn H14 trình bày:

Năm 1991, gia đình bà Lê Thị N được Nhà nước giao đất nông nghiệp ở xứ đồng Đ, diện tích 828m² thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 7; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lê Thị N. Theo tiêu chuẩn tại địa phương, hộ gia đình bà N có 06 khẩu được giao đất nông nghiệp gồm: Bà Lê Thị N, ông Đình Văn H2, bà Phạm Thị N4, chị Đình Thị H3, anh Đình Văn M3, chị Đình Thị H15.

2. Ông Đình Văn T1 là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Đ1, chị Đình Kim T6, anh Đình Văn T7, anh Đình Văn L3, chị Đình Út H5 trình bày:

Năm 1991, gia đình ông Đình Văn T1 được Nhà nước giao đất nông nghiệp ở xứ đồng Đ, diện tích 824m² thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 7; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đình Văn T1. Theo tiêu chuẩn tại địa phương, hộ gia đình ông có 06 khẩu được giao đất nông nghiệp gồm ông T1, bà Nguyễn Thị Đ1, chị Đình Kim T6, anh Đình Văn T7, anh Đình Văn L3, chị Đình Út H5.

3. Ông Đình Văn B2 là người kế quyền của cụ Đình Văn R và là người đại diện theo ủy quyền của bà Đình Thị L4, bà Đình Thị L9 trình bày:

Năm 1991, gia đình cụ Đình Văn R được Nhà nước giao đất nông nghiệp ở xứ đồng Đ, diện tích 259m² thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 7; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Đình Văn R. Theo tiêu chuẩn tại địa phương, hộ gia đình cụ R có 02 khẩu được giao đất nông nghiệp gồm bà Đình Thị C4 (đã chết) và chị Đình Thị T4 (hiện không rõ địa chỉ ở đâu).

4. Ông Đình Xuân T3 là bị đơn và đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cụ Đình Thị T8, bà Nguyễn Thị H6, anh Đình Mạnh T9, anh Đình Xuân T10, chị Đình Thị H7, chị Đình Thị H8 trình bày:

Năm 1991, gia đình ông được Nhà nước giao đất nông nghiệp ở xứ đồng Đ, diện tích 828m² thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 7; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Đình Thị T8. Theo tiêu chuẩn tại địa phương, hộ gia đình ông có 06 khẩu được giao đất nông nghiệp gồm ông T3; bà Nguyễn Thị H6, anh Đình Mạnh T9, chị Đình Thị H8, chị Đình Thị H7, anh Đình Xuân T10.

5. Bà Đình Thị L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đình Công D và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đình Công D2, chị Đình Thị D3, ông Đình Văn C, bà Đình Thị D4, bà Đình Thị D5 trình bày:

Năm 1991, gia đình bà được Nhà nước giao đất nông nghiệp ở xứ đồng Đ, diện tích là 702m² thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 7; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Đình Công H16 (chết năm 1992). Theo tiêu chuẩn tại địa phương, hộ gia đình cụ H16 có 05 khẩu được giao đất nông nghiệp gồm Đình Thị D3, Lê Thị D7 (đã chết năm 2015), ông Đình Công D, bà Đình Thị L1, anh Đình Công D2.

6. Bà Đình Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lê Văn B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà chị Lê Thị H9, chị Lê Thị H10, anh Lê Văn Đ2 trình bày:

Năm 1991, gia đình bà được Nhà nước giao đất nông nghiệp ở xứ đồng Đ, diện tích là 702m² thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 7; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Văn B. Theo tiêu chuẩn tại địa phương, hộ gia đình bà có 05 khẩu được giao đất nông nghiệp gồm bà Đình Thị L, ông Lê Văn B, chị Lê Thị H9, chị Lê Thị H10, anh Lê Văn Đ2.

7. Ông Đình Văn C (T17) là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đình Thị L4, anh Đình Văn T11, chị Đình Thị L5, anh Đình Công M2 trình bày:

Năm 1991, gia đình ông được Nhà nước giao đất nông nghiệp ở xứ đồng Đ, diện tích là 828m² thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 7; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông. Theo tiêu chuẩn tại địa phương, hộ gia đình ông có 06 khẩu được giao đất nông nghiệp gồm ông C (T), bà L4, anh T11, chị L5, anh M2, T12. Nay bà L4, anh T11, chị L5, anh M2 đã có văn bản ủy quyền cho ông tham gia giải quyết vụ án, còn anh Đình Văn T12 đang lao động tại Nhật Bản không làm được văn bản ủy quyền nên ông đề nghị nếu Tòa án chia sẽ giao phần tiêu chuẩn mà anh T12 được hưởng cho ông, ông sẽ có trách nhiệm quản lý, khi nào anh T12 về thì ông sẽ có trách nhiệm trả lại anh T12.

8. Ông Phạm Văn C1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là cụ Lê Thị N1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đình Thị T13, anh Phạm Văn C2, chị Phạm Thị V, bà Phạm Thị B1, bà Phạm Thị Q, bà Phạm Thị P, bà Phạm Thị P1, bà Phạm Thị H11 trình bày:

Năm 1991, gia đình ông được Nhà nước giao đất nông nghiệp ở xứ đồng Đ, diện tích là 1.260m² thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 7; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Lê Thị N1. Theo tiêu chuẩn tại địa phương, hộ gia đình

ông bà có 09 khẩu được giao đất nông nghiệp gồm ông Phạm Văn C1, cụ Đ4, cụ N1, bà T13, bà B1, bà Q, anh C2, anh Q1, chị V.

9. Ông Đinh Văn M1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Đinh Thị T4 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Văn T14 trình bày:

Năm 1991, gia đình ông được Nhà nước giao đất nông nghiệp ở xứ đồng Đ, diện tích là 421m² thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 7; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đinh Văn M1. Theo tiêu chuẩn tại địa phương, hộ gia đình ông có 03 khẩu được giao đất nông nghiệp gồm ông M1, bà T4, anh T14.

10. Ông Đinh Trí N3 là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị T15, anh Đinh Chí L6, anh Đinh Chí L7 trình bày:

Năm 1991, gia đình ông được Nhà nước giao đất nông nghiệp ở xứ đồng Đ, diện tích là 562m² thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 7; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Đinh Trí N3. Theo tiêu chuẩn tại địa phương, hộ gia đình ông bà có 04 khẩu được giao đất nông nghiệp gồm ông N3, bà T15, anh L6, anh L7.

11. Bà Nguyễn Thị L2 là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Văn H12, chị Đinh Thị P2 trình bày:

Năm 1991, gia đình bà được Nhà nước giao đất nông nghiệp 115 ở xứ đồng Đ, diện tích là 421m² thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 7; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà là Nguyễn Thị L2. Theo tiêu chuẩn tại địa phương, hộ gia đình ông bà có 03 khẩu được giao đất nông nghiệp gồm bà L2, ông H12, chị P2.

12. Bà Đinh Thị Đ là bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Huy Đ3, anh Lê Huy D6, chị Lê Thị Thanh C3 trình bày:

Năm 1991, gia đình bà được Nhà nước giao đất nông nghiệp xứ đồng Đồng Sơn, diện tích là 702m² thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 7; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Đinh Thị Đ. Theo tiêu chuẩn tại địa phương, hộ gia đình ông bà có 05 khẩu được giao đất nông nghiệp gồm bà Đ, cụ T18, anh Đ3, anh D6, chị C3.

13. Bà Đinh Thị D1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là cụ Lê Thị T5 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Văn G, anh Đinh Huy T16, chị Đinh Thị Thu H13 trình bày:

Năm 1991, gia đình bà được Nhà nước giao đất nông nghiệp ở xứ đồng Đồng Sơn diện tích là 828m² thuộc thửa số 36, tờ bản đồ số 7; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Lê Thị T5. Theo tiêu chuẩn tại địa phương, hộ gia đình ông bà có 06 khẩu gồm cụ T5, ông Đinh Văn H17 (đã chết năm 2017), bà D1, anh G, chị H13, anh T16.

Trong số những khẩu được chia tiêu chuẩn đất nông nghiệp có ông Đinh Văn H17 đã chết năm 2017. Những người kế quyền của ông Đinh Văn H17 gồm: Bà Đinh Thị D1 (vợ); anh Đinh Văn G, sinh năm 1980; chị Đinh Thị Thu

H13, sinh năm 1984; anh Đình Huy T16, sinh năm 1987 (là những người con); cụ Lê Thị T5, sinh năm 1933 (mẹ).

Các hộ dân là bị đơn đều có quan điểm: Năm 1991, các hộ dân cùng được giao đất nông nghiệp ở xứ đồng Đồng Sơn và được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 và canh tác ổn định. Năm 1997, UBND xã K có chủ trương, nghị quyết chuyển dịch một số diện tích vùng đất trũng, đất xấu, thu nhập kém hiệu quả sang làm kinh tế trang trại VAC. UBND xã đã chỉ đạo cho bí thư, xóm trưởng đến từng hộ gia đình có diện tích đất tại các xứ đồng trong đó có xứ đồng Đồng S1 để vận động cho một số hộ mượn làm trang trại. Các hộ gia đình (bị đơn) thực hiện theo chủ trương của UBND xã nên họ đã cho hộ bà Đình Thị L mượn ruộng. Khi mượn, các hộ gia đình không ký văn bản giấy tờ gì, cũng không ký văn bản trả ruộng cho xã. Sau đó, UBND xã giao ruộng của các hộ dân trên cho gia đình bà Đình Thị L làm kinh tế trang trại và lập Hợp đồng kinh tế giao đất làm trang trại mô hình VAC với bà Đình Thị L năm 1997. Năm 2001 và 2013 khi có chủ trương dồn đổi ruộng đất thì toàn bộ diện tích đất nông nghiệp các hộ dân nằm trong trang trại của bà L không được dồn đổi nên vẫn giữ nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994.

Năm 2017, khi Nhà nước thực hiện việc thu hồi đất nông nghiệp tại khu vực xã K để xây dựng khu du lịch T, diện tích đất nông nghiệp trên của gia đình các hộ dân (bị đơn) bị thu hồi. UBND huyện K đã ban hành quyết định thu hồi đất và Bảng tính giá bồi thường, hỗ trợ, giá trị đất đai cây trồng vật nuôi cho các hộ dân có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng đến nay, các hộ dân bị đơn vẫn chưa nhận được số tiền bồi thường.

Vì vậy, các hộ dân là bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L, đề nghị Tòa án công nhận diện tích đất ruộng mà họ đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (nằm trong trang trại của gia đình bà L) thuộc quyền sử dụng của các hộ dân (bị đơn) và đề nghị UBND huyện K, Ban giải phóng mặt bằng chi trả số tiền bồi thường cho từng hộ gia đình theo đúng quyết định thu hồi và bảng tính giá bồi thường hỗ trợ giá trị cây trồng, vật nuôi theo quy định của pháp luật.

- *Hộ ông Đình Văn C (T24) có quan điểm bổ sung:* Ông xác định ông không ký vào văn bản nào liên quan đến việc chuyển đổi quyền sử dụng đất cho hộ bà Đình Thị L.

- *Hộ ông Đình Công D (đại diện là bà Đình Thị L1) có quan điểm bổ sung:* Bà xác định nếu ông Đình Công D có ký văn bản thỏa thuận về việc tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp ngày 26/5/2017 tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Đình Thị L thì ông D chỉ có quyền tặng cho tiêu chuẩn đất nông nghiệp của ông D, còn các tiêu chuẩn đất nông nghiệp của người khác trong hộ gia đình thì ông D không có quyền tặng cho gia đình bà L.

- *Hộ cụ Lê Thị T5 (đại diện là bà Đình Thị D1) có quan điểm bổ sung:* Bà xác định bà có ký vào văn bản thỏa thuận về việc tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp ngày 26/5/2017 cho bà Đình Thị L nhưng bà chỉ tặng cho tiêu chuẩn đất nông nghiệp của bà, còn các tiêu chuẩn đất nông nghiệp của người khác trong hộ gia đình thì bà không có quyền tặng cho gia đình bà L.

UBND xã K, huyện K có quan điểm: Sau khi được Nhà nước giao chia đất nông nghiệp ở xứ đồng Đồng Sơn các hộ nêu trên sử dụng đúng mục đích. Đến năm 1994, các hộ nêu trên được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp trong đó có xứ đồng Đồng Sơn: hộ bà Lê Thị N (diện tích 828 m², thửa đất số 36, tờ bản đồ số 7), Đinh Văn T1 (diện tích 824 m², thửa đất số 36, tờ bản đồ số 7), Đinh Văn R (diện tích 259 m², thửa đất số 29, tờ bản đồ số 7), Đinh Thị T8 (Đinh Xuân T3) (diện tích 828 m², thửa đất số 36, tờ bản đồ số 7), Đinh Công H16 (Đinh Công D, diện tích 702 m², thửa đất số 36, tờ bản đồ số 7), Lê Văn B (diện tích 702 m², thửa đất số 36, tờ bản đồ số 7), Đinh Văn C (diện tích 828 m², thửa đất số 36, tờ bản đồ số 7), Lê Thị N1 (diện tích 1260 m², thửa đất số 36, tờ bản đồ số 7), Đinh Văn M1 (Đinh Thị T4) (diện tích 421 m², thửa đất số 36, tờ bản đồ số 7), Đinh Trí N3 (diện tích 562 m², thửa đất số 36, tờ bản đồ số 7), Nguyễn Thị L2 (diện tích 421 m², thửa đất số 36, tờ bản đồ số 7), Nguyễn Thị Đ5 (Đinh Thị Đ) (diện tích 702 m², thửa đất số 36, tờ bản đồ số 7), Lê Thị T5 (diện tích 828 m², thửa đất số 36, tờ bản đồ số 7).

Năm 1997, các hộ nêu trên đã ký tên vào danh sách trả ruộng cho UBND xã và HTX quản lý. Sau khi các hộ trả ruộng, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chưa có quyết định thu hồi đất đối với diện tích đất xứ đồng Đồng Sơn của các hộ. Ngày 15/6/1997, UBND xã ký hợp đồng giao thuê đất làm trang trại - mô hình V.A.C với hộ gia đình bà Đinh Thị L. Diện tích tiêu chuẩn đất nông nghiệp ở xứ đồng Đồng Sơn của hộ nêu trên chưa chia cho ai, kể cả chủ Hợp đồng khoán thuê đất làm trang trại theo mô hình VAC. Năm 2001, năm 2013 thực hiện chủ trương dồn đổi ruộng đất, theo Phương án dồn đổi ruộng đất nông nghiệp của xã K đối với diện tích ruộng giao chia theo quyết định 115 và 990, UBND xã đã giao cho các hộ sử dụng theo mô hình sản xuất đa canh trên vùng đất trồng mô hình VAC, trong đó có khu vực Đồng S1 vẫn giữ ổn định, không tham gia dồn đổi và vẫn nằm trong trang trại của hộ bà Đinh Thị L. Kiểm tra các tài liệu lưu trữ tại UBND xã không tìm thấy các văn bản chuyển quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nông nghiệp của hộ nêu trên và gia đình bà Đinh Thị L. Quan điểm của UBND xã về diện tích đất nông nghiệp của hộ các hộ trên ở xứ đồng Đồng S1 vẫn nằm trong trang trại của bà Đinh Thị L đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và ra quyết định thu hồi đất là đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị L đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

UBND huyện K, tỉnh Hà Nam có quan điểm:

Căn cứ vào hồ sơ địa chính lưu trữ tại UBND xã và hồ sơ giải phóng mặt bằng (GPMB) lưu tại Hội đồng GPMB huyện, UBND huyện khẳng định quá trình chỉ đạo và ban hành các Quyết định gồm 16 quyết định thu hồi đất tiêu chuẩn theo Quyết định 115; 990 của các hộ gia đình nằm trong trang trại bà Đinh Thị L và Quyết định số 5537/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 của UBND huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai và các chính sách hỗ trợ về đất của các hộ bị ảnh hưởng bởi hạng mục: San lấp khu trung tâm đón tiếp, nghỉ dưỡng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình HTKT khu du lịch T tại xã K (*PA lần 2-332 hộ đối với diện tích đất tiêu chuẩn theo*

Quyết định 115/ 990 nằm trong trang trại đang sử dụng sản xuất đa canh) là đúng quy định của pháp luật và thẩm quyền của UBND huyện K.

Việc khởi kiện của bà Đinh Thị L không có cơ sở pháp lý. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam bác đơn khởi kiện của bà Đinh Thị L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2020/DS-ST ngày 27/8/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam quyết định: Căn Điều 26, Điều 34, khoản 1 Điều 37, Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 244; các Điều 147, Điều 217, 271, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 30, 32, 116 Luật tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 176, khoản 3 Điều 190, các Điều 201, 202, 256, 257, 461, 463, 691 Bộ luật dân sự năm 1995; các Điều 3, 31, 73 Luật đất đai năm 1993; khoản 2 Điều 129 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 66, 74, 83, 84, 125, 167 Luật đất đai năm 2013; khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017 ngày 06/01/2017 của Chính phủ; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị L đối với yêu cầu buộc UBND huyện K ra quyết định thu hồi đất và xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà đối với diện tích 573m² (diện tích đất không tranh chấp với ai), tương ứng với số tiền đền bù, hỗ trợ là 94.545.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị L về việc: công nhận quyền về tài sản đối với quyền sử dụng đất của các hộ (1) Bà Lê Thị N, (2) Ông Đinh Văn T1, (3) Cụ Đinh Văn R, (4) Ông Đinh Xuân T3, (5) Ông Lê Văn B, (6) Cụ Lê Thị N1, (7) Bà Đinh Thị T4, (8) Ông Đinh Chí N2, (9) Bà Nguyễn Thị L2, (10) Bà Đinh Thị Đ; công nhận bà là người được nhận bồi thường về quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với toàn bộ diện tích của các hộ (1) Bà Lê Thị N, (2) Ông Đinh Văn T1, (3) Cụ Đinh Văn R, (4) Ông Đinh Xuân T3, (5) Ông Lê Văn B, (6) Cụ Lê Thị N1, (7) Bà Đinh Thị T4, (8) Ông Đinh Chí N2, (9) Bà Nguyễn Thị L2, (10) Bà Đinh Thị Đ; Hủy các Quyết định thu hồi đất và Quyết định về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai và các chính sách hỗ trợ của UBND huyện K đối với phần diện tích đất mà các hộ trên và yêu cầu UBND huyện K ban hành Quyết định thu hồi đất và phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho gia đình bà đối với diện tích đất bị thu hồi trong trang trại của bà L.

3. Công nhận giao dịch tặng quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa hộ bà Đinh Thị L với hộ ông Đinh Văn C, hộ ông Đinh Công D, hộ cụ Lê Thị T5 có hiệu lực 01 phần với diện tích đất tiêu chuẩn của ông Đinh Văn C, ông Đinh Công D và bà Đinh Thị D1; vô hiệu đối với phần diện tích tiêu chuẩn của những người còn lại trong hộ ông C, ông D và cụ T5.

4. Công nhận bà Đinh Thị L có quyền về tài sản đối với quyền sử dụng đất đối với diện tích đất tiêu chuẩn của ông Đinh Văn C là 138m², tương ứng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 22.770.000đ, diện tích đất tiêu chuẩn của ông Đinh Công D là 140,4m², tương ứng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 23.116.000đ, diện tích đất tiêu chuẩn của bà Đinh Thị D1 là 138m² tương ứng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 22.770.000đ tại xứ đồng Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Hộ gia đình

ông C được quyền sử dụng đối với đối với diện tích 690m² tương ứng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 113.850.000đ; Hộ gia đình ông D được quyền sử dụng đối với đối với diện tích 561,6m² tương ứng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 92.664.000đ; Hộ gia đình bà D1 được quyền sử dụng đối với đối với diện tích 690m² tương ứng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 113.850.000đ.

5. Giữ nguyên Quyết định thu hồi đất số 5317/QĐ-UB, 5318/QĐ-UB, 5319/QĐ-UB, 5451/QĐ-UB, 5452/QĐ-UB, 5453/QĐ-UB, 5454/QĐ-UB, 5455/QĐ-UB, 5458/QĐ-UB, 5459/QĐ-UB, 5460/QĐ-UB, 5461/QĐ-UB, 5463/QĐ-UB ngày 29/8/2017 và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai và các chính sách hỗ trợ về đất số 5537/QĐ-UB ngày 29/8/2017 của UBND huyện K đối với 13 hộ dân.

6. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/8/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Đinh Trí H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt, có gửi văn bản thể hiện quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị L thông qua người đại diện theo ủy quyền có nội dung và hình thức phù hợp, trong thời hạn kháng cáo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Ủy ban nhân dân huyện K và Ủy ban nhân dân xã K. Do đại diện theo ủy quyền của chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, Ủy ban nhân dân xã K và đại diện hộ gia đình cụ Lê Thị N1 là ông Đinh Văn C5 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt và không có kháng

cáo nên Hội đồng xét xử căn cứ đề nghị của các đương sự và của Kiểm sát viên, căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng và đủ người tham gia tố tụng, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26, 34, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của nguyên đơn là bà L thông qua người đại diện theo ủy quyền về việc yêu cầu công nhận hộ gia đình bà L có quyền sử dụng đất đối với diện tích 9.165 m² của 13 hộ dân là bị đơn trong vụ án và được quyền nhận tiền bồi thường và các khoản hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của họ là 1.512.225.000 đồng.

[2.1] Về yêu cầu của nguyên đơn đối với 09 hộ gia đình, gồm: Bà Lê Thị N, Ông Đinh Văn T1, Ông Đinh Xuân T3, Ông Lê Văn B, Cụ Lê Thị N1, Bà Đinh Thị T4, Ông Đinh Chí N2, Bà Nguyễn Thị L2, Bà Đinh Thị Đ.

Bà L cho rằng: Các hộ gia đình nêu trên được giao đất theo các Quyết định số 115 và 990 nhưng sau đó không có nhu cầu sử dụng đất nên đã tự nguyện trả lại đất cho UBND xã đồng thời cam kết không khiếu nại, đòi lại phần diện tích đất này. Năm 1998, UBND xã K lập biên bản giao cho hộ gia đình bà L diện tích đất nêu trên để làm trang trại. Tuy nhiên, các hộ gia đình nêu trên không thừa nhận và xác định họ mới là người có quyền sử dụng đất, chỉ cho gia đình bà L mượn để làm kinh tế trang trại theo chủ trương của Ủy ban nhân dân xã K nên họ mới là người được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ năm 1997 đến khi Ủy ban nhân dân huyện K có quyết định thu hồi đất năm 2018, gia đình bà L đã sử dụng diện tích ruộng của cả 13 hộ dân, trong đó có 09 hộ gia đình nêu trên được giao, chia theo tiêu chuẩn tại quyết định 115 và 990 để làm trang trại theo mô hình VAC là thực tế. Tuy nhiên, phía nguyên đơn thừa nhận trong quá trình sử dụng đất không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện gia đình bà L đã đề nghị và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng. Mặt khác, mặc dù một số hộ dân có đơn đề nghị trả ruộng tiêu chuẩn cho UBND xã K và UBND xã K đã tiếp nhận, giao cho gia đình bà L nhưng cũng chỉ là giao (thầu) cho hộ bà L sử dụng đất làm kinh tế theo mô hình VAC có kỳ hạn đến ngày 15/6/2018; cũng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện Nhà nước đã thu hồi đất của cả 13 hộ gia đình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho họ theo quy định của Luật Đất đai; cũng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện 09/13 hộ dân tại tiểu mục [2.1] đã chuyển nhượng, tặng cho... quyền sử dụng đất cho nguyên đơn. Do đó, toàn bộ diện tích đất ruộng của 09 hộ dân nêu trên vẫn thuộc quyền sử dụng của các hộ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện K cấp năm 1994 và họ được quyền nhận toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của bà L là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa 04 hộ gia đình còn lại với bà Đinh Thị L:

[2.2.1] Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa hộ ông Đinh Văn C (T) với hộ bà Đinh Thị L: Năm 1994, hộ gia đình ông C được UBND xã giao chia diện tích đất nông nghiệp cho 06 khẩu gồm ông Đinh Văn C, bà Đinh Thị L4, anh Đinh Văn T11, chị Đinh Thị L5, anh Đinh Văn T12, anh Đinh Công M2. Tổng số diện tích được giao là 828m² tại thửa đất số 36, tờ bản đồ số 7, đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 mang tên hộ ông Đinh Văn C (T24).

Ngày 21/5/1998 tại nhà ông Đinh Văn C, vợ chồng ông Đinh Văn C, bà Đinh Thị L4 và vợ chồng ông Đinh Trí T19 (Đinh Xuân T20), bà Đinh Thị L có ký đơn đề nghị tặng cho quyền sử dụng đất. Theo đó, hai bên thỏa thuận là ông C (T17), bà L4 đã tặng cho ông T20, bà L quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C224098 do UBND huyện K cấp ngày 15/4/1994 cụ thể là tại thửa số 36, tờ bản đồ số 7, diện tích 828m² địa chỉ tại xứ đồng Đ, xã K, huyện K, tỉnh Hà Nam. Sau năm 2013 nếu chính sách về ruộng đất của Nhà nước chưa thay đổi thì bên nhận tặng cho vẫn được quyền sử dụng ruộng tiếp, khi chính sách về ruộng đất của Nhà nước thay đổi thì số diện tích trên phải thay đổi theo và các bên cam đoan là việc tặng cho và nhận tặng cho là hoàn toàn tự nguyện. Trong đơn có chữ ký của ông C (T17), bà L4, ông T20, bà L và có xác nhận của xóm trưởng xóm 6 là ông Đinh Đức Đ6 và có xác nhận của UBND xã K đã ký ngày 22/5/1998 nhưng không đóng dấu.

Đến ngày 26/5/2017, các bên tiếp tục ký văn bản thỏa thuận về việc tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp với nội dung: Hộ gia đình có đất nông nghiệp tặng cho là ông Đinh Văn C là đại diện cho các thành viên trong gia đình được chia đất nông nghiệp theo Quyết định 115 và 990 tại xứ đồng Đông Sơn (Đinh Thị L4, Đinh Văn T11, Đinh Thị L5, Đinh Văn T12, Đinh Văn M3) và hộ gia đình bên nhận tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp đại diện là bà Đinh Thị L. Các bên thỏa thuận do hộ ông C không có nhu cầu sản xuất đất nông nghiệp nên đã tặng cho hộ bà L diện tích 828m² thửa 36, tờ bản đồ số 7 thuộc xứ đồng Đông Sơn; các bên cam đoan việc tặng cho và nhận tặng cho là hoàn toàn tự nguyện, khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ về đất thì hộ bà L có quyền nhận các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất đã chuyển nhượng nói trên theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, diện tích đất nông nghiệp trên có nguồn gốc được Nhà nước giao chia cho 06 khẩu trong hộ gia đình ông C, đây là tài sản chung của hộ ông C thuộc hình thức sở hữu chung theo phần được quy định tại các điều 207, 209 Bộ luật dân sự 2015. Việc ông C ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho hộ bà L đối với tiêu chuẩn đất nông nghiệp của bà L4 và 04 người con mà không được sự đồng ý hay có văn bản ủy quyền của họ theo Điều 101, 135 Bộ luật Dân sự 2015 là vi phạm Điều 212, Điều 218 Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 101, 103, 104, 130 Bộ luật Dân sự 2015 thì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa hộ ông C và hộ bà L chỉ có hiệu lực một phần đối với diện tích đất tiêu chuẩn của ông C là 138m² (828m² : 6 khẩu = 138m²). Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định: Khi Nhà nước thu hồi đất ở xứ đồng Đ; bà L sẽ được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 138m² là đất tiêu chuẩn của ông Đinh Văn C, còn các thành viên hộ gia đình ông C sẽ được nhận tiền

bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 690m² là diện tích đất tiêu chuẩn của bà L4 và 04 người con của ông C là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2.2]. Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đinh Văn T2 (con trai cụ Đinh Văn R) với hộ bà Đinh Thị L:

Năm 1994, hộ gia đình cụ R được UBND xã giao chia diện tích đất nông nghiệp cho 02 khẩu gồm cụ Đinh Thị C4 (vợ cụ R) và chị Đinh Thị T4 (cháu cụ R). Tổng số diện tích được giao chia là 259m² tại thửa đất số 36, tờ bản đồ số 7, đã được UBND huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 mang tên hộ cụ Đinh Văn R.

Đến ngày 26/5/2017, ông Đinh Văn T2 đã ký văn bản thỏa thuận về việc tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp với hộ bà Đinh Thị L với nội dung: Hộ gia đình bên có đất nông nghiệp tặng cho là ông Đinh Văn T2 là đại diện cho các thành viên trong gia đình được chia đất nông nghiệp theo Quyết định 115 và 990 tại xứ đồng Đồng Sơn (Đinh Văn R, Đinh Văn T2) và hộ gia đình bên nhận tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp đại diện là bà Đinh Thị L. Các bên thỏa thuận do hộ cụ R không có nhu cầu sản xuất đất nông nghiệp nên đã tặng cho hộ bà L diện tích 259m² thửa 36, tờ bản đồ số 7 thuộc xứ đồng Đồng Sơn; các bên cam đoan việc tặng cho và nhận tặng cho là hoàn toàn tự nguyện, khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ về đất thì hộ bà L có quyền nhận các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất đã chuyển nhượng nói trên theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, diện tích đất nông nghiệp trên có nguồn gốc được Nhà nước giao chia cho 02 khẩu trong hộ gia đình cụ R là cụ C4 (vợ cụ R) và chị Đinh Thị T4 (cháu cụ R), đây là tài sản chung của cụ C4 và chị T4 thuộc hình thức sở hữu chung theo phần được quy định tại các điều 207, 209 Bộ luật dân sự 2015. Cụ R và anh T2 không được tiêu chuẩn đất nông nghiệp ở vị trí này. Việc ông T2 ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho hộ bà L đối với tiêu chuẩn đất nông nghiệp của cụ C4 và chị T4 mà không được sự đồng ý hay có văn bản ủy quyền của họ theo Điều 101, 135 Bộ luật Dân sự 2015 là vi phạm Điều 212, Điều 218 Bộ luật Dân sự 2015. Thời điểm đó, cụ C4 đã chết thì còn phải được sự đồng ý của những người thừa kế của cụ C4.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 101, 103, 104, 130 Bộ luật Dân sự 2015 xác định hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T2 và hộ bà L vô hiệu toàn bộ về nội dung là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2.3]. Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Đinh Công D (con cụ Đinh Công H16) với hộ bà Đinh Thị L:

Năm 1994, hộ gia đình ông H16 gồm có 5 khẩu được chia đất nông nghiệp theo quyết định 115 thuộc xứ đồng Đồng Sơn gồm: Cụ Lê Thị D7 (đã chết năm 2015), bà Đinh Thị D3, ông Đinh Công D, bà Đinh Thị L1, anh Đinh Công D2 với tổng diện tích là 702m² thửa số 36, tờ bản đồ số 7.

Đến ngày 26/5/2017, ông Đinh Công D là con trai ông Đinh Công H16 đã ký văn bản thỏa thuận về việc tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp với hộ bà Đinh Thị L với nội dung: Hộ gia đình bên có đất nông nghiệp tặng cho là ông Đinh Công D là đại diện cho các thành viên trong gia đình được chia đất nông nghiệp theo Quyết định 115 và 990 tại xứ đồng Đồng Sơn (Đinh Công H16, Lê

Thị D7, Đinh Thị L1, Đinh Công D2, Đinh Công T21, Đinh Thị Tuyết L10) và hộ gia đình bên nhận tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp đại diện là bà Đinh Thị L10. Các bên thỏa thuận do hộ ông Đinh Công D không có nhu cầu sản xuất đất nông nghiệp nên đã tặng cho hộ bà L10 diện tích 702m² thửa 36, tờ bản đồ số 7 thuộc xứ đồng Đồng Sơn; các bên cam đoan việc tặng cho và nhận tặng cho là hoàn toàn tự nguyện, khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ về đất thì hộ bà L10 có quyền nhận các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất đã chuyển nhượng nói trên theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, diện tích đất nông nghiệp trên có nguồn gốc được Nhà nước giao chia cho 05 khẩu trong hộ gia đình cụ H16, đây là tài sản chung của hộ cụ H16 thuộc hình thức sở hữu chung theo phần được quy định tại các điều 207, 209 Bộ luật dân sự 2015. Việc ông D (con cụ H16) ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho hộ bà L10 đối với tiêu chuẩn đất nông nghiệp của bà Đinh Thị D3, cụ Lê Thị D7 (đã chết năm 2015), bà Đinh Thị L1, anh Đinh Công D2 mà không được sự đồng ý hay có văn bản ủy quyền của họ theo Điều 101, 135 BLDS 2015 và của những người thừa kế của cụ D7 là vi phạm Điều 212, Điều 218 BLDS 2015.

Tại buổi hòa giải ngày 03/6/2020, bà L1 xác định nếu ông Đinh Công D (chồng bà) có ký văn bản thỏa thuận ngày 26/5/2017 tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp cho bà Đinh Thị L10 thì chỉ có quyền tặng cho tiêu chuẩn của ông D. Còn các tiêu chuẩn đất nông nghiệp của người khác trong hộ gia đình thì ông D không có quyền tặng cho gia đình bà L10.

Căn cứ Điều 101, 103, 104, 130 BLDS 2005 thì văn bản thỏa thuận tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông D và hộ bà L10 chỉ có hiệu lực một phần đối với diện tích đất tiêu chuẩn của ông D là 702m² : 5 khẩu = 140,4m². Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định: Khi Nhà nước thu hồi đất ở xứ đồng Đ, bà L10 chỉ được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 140,4m² là đất tiêu chuẩn của ông Đinh Công D, còn các thành viên khác trong hộ gia đình ông D (bà Đinh Thị D3, cụ Lê Thị D7 (đã chết năm 2015), bà Đinh Thị L1, anh Đinh Công D2) sẽ được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 561,6m² là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.5]. Xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Đinh Thị D1 (con gái cụ Lê Thị T5) với hộ bà Đinh Thị L10:

Năm 1994, hộ gia đình cụ T5 có 06 khẩu gồm: Cụ T5, bà D1, ông H17 (chết năm 2017), anh G, chị H13, anh T16 được chia đất nông nghiệp theo quyết định 115 có tổng diện tích 828m² thuộc thửa 36, tờ bản đồ số 7, xứ đồng Đồng Sơn.

Đến ngày 26/5/2017, bà Đinh Thị D1 là con gái cụ T5 đã ký văn bản thỏa thuận về việc tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp với hộ bà Đinh Thị L10 với nội dung: Hộ gia đình bên có đất nông nghiệp tặng cho là Lê Thị T5 là đại diện cho các thành viên trong gia đình được chia đất nông nghiệp theo Quyết định 115 và 990 tại xứ đồng Đồng Sơn (Lê Thị T5, Đinh Thị D1, Đinh Văn H17, Đinh Văn G, Đinh Thị H13, Đinh Văn T22) và hộ gia đình bên nhận tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp đại diện là bà Đinh Thị L10. Các bên thỏa thuận do hộ cụ Lê Thị T5 không có nhu cầu sản xuất đất nông nghiệp nên đã

tặng cho hộ bà L10 diện tích 828m² thửa 36, tờ bản đồ số 7 thuộc xứ đồng Đồng Sơn; các bên cam đoan việc tặng cho và nhận tặng cho là hoàn toàn tự nguyện, khi Nhà nước thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ về đất thì hộ bà L10 có quyền nhận các khoản tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất đã chuyển nhượng nói trên theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, diện tích đất nông nghiệp trên có nguồn gốc được Nhà nước giao chia cho 06 khẩu trong hộ gia đình cụ T5, là tài sản chung của hộ cụ T5 thuộc hình thức sở hữu chung theo phần được quy định tại các điều 207, 209 Bộ luật dân sự 2015. Việc bà D1 tự ý ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho hộ bà L10 đối với tiêu chuẩn đất nông nghiệp của ông H17 (chết năm 2017), cụ T5, anh G, chị H13, anh T22 mà không được sự đồng ý hay có văn bản ủy quyền của họ theo Điều 101, 135 Bộ luật Dân sự 2015 và của những người kế quyền của ông H17 là vi phạm Điều 212, Điều 218 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại buổi hòa giải ngày 03/6/2020, bà D1 xác định bà có ký vào văn bản thỏa thuận về việc tặng cho quyền sử dụng đất nông nghiệp ngày 26/5/2017 cho bà Đinh Thị L10 nhưng bà xác định chỉ tặng cho tiêu chuẩn đất nông nghiệp của bà. Còn các tiêu chuẩn đất nông nghiệp của người khác trong hộ gia đình thì bà không có quyền tặng cho gia đình bà L10.

Căn cứ Điều 101, 103, 104, 130 Bộ luật Dân sự 2005 thì văn bản thỏa thuận tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà D1 và hộ bà L10 chỉ có hiệu lực một phần đối với diện tích đất tiêu chuẩn của bà D1 $828\text{m}^2 : 6 \text{ khẩu} = 138\text{m}^2$. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định: Khi Nhà nước thu hồi đất ở xứ đồng Đ, bà L10 chỉ được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 138m² là đất tiêu chuẩn của bà Đinh Thị D1, còn các thành viên khác trong hộ gia đình cụ T5 sẽ được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích là diện tích 690m² gồm: Tiêu chuẩn của ông H17 (chết năm 2017), cụ T5, anh G, chị H13, anh T22 là có căn cứ, đúng pháp luật

[3] Xét yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện K đối với 13 hộ dân và buộc UBND huyện K ban hành Quyết định thu hồi đất và phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ cho bà Đinh Thị L10, Hội đồng xét xử xét thấy:

Do bà L10 không có quyền sử dụng đối với diện tích đất tiêu chuẩn của 13 hộ dân như đã phân tích ở trên nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm quyết định không chấp nhận nội dung khởi kiện của bà L10 yêu cầu hủy các quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện K đối với các hộ dân là chính xác.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L10 đề nghị Tòa án tuyên buộc UBND huyện K ra quyết định thu hồi đất và xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ cho bà đối với diện tích 573m² (diện tích đất không tranh chấp với ai). Ngày 01/8/2019, bà Đinh Thị L10 có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện (đơn đề ngày 20/7/2019) về nội dung này, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và đình chỉ xét xử đối với nội dung khởi kiện này là tôn trọng quyền định đoạt của bà L10 và đúng pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà Đinh Thị L10 là người cao tuổi, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí kèm theo, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà L10.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn - bà Đinh Thị L10. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2020/DS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Đinh Thị L10. Hoàn trả bà Đinh Thị L10 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm do anh Đinh Trí H đã nộp thay theo Biên lai thu số AA/2015/0005670 ngày 28/8/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi gửi:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- Cục THSDS tỉnh Hà Nam;
- Lưu HSVA, VP, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh